TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Thảophúc**

Bản án số: **24**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng
Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1201/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 2000**

Trú tại: Tổ a, ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1991**

Trú tại: Số b, ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương Th, trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Anh T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 26/3/2019.

Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không chia sẻ được với nhau mọi việc trong cuộc sống. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng bất đồng về quan điểm

sống, không có sự cảm thông nên không thể thấu hiểu nhau. Ngoài ra, ông T còn chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, khiến cho kinh tế gia đình sa sút, không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Đến tháng 6/2020, bà đã về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T tiếp tục chơi bài bạc, gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng không thành. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn – ông Nguyễn Anh T*: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Phương Th và ông Nguyễn Anh T đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do nợ nần, cờ bạc. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Thvà con đã chuyển về bố mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc xin ly hôn với ông T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về con chung: Bà Th và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 01/01/2019. Hiện do cháu Tr còn nhỏ và đang sinh sống ổn định cùng bà Th. Bà Th có thu nhập ổn định. Ông T không đến Tòa án làm việc đã chứng tỏ anh T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Nguyễn Anh T hiện đang cư trú tại ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Bị đơn – ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Phương Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Th và ông Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Đồng Nai ngày 26/3/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của bà Th là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của ông T. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Thúy L là mẹ ông T (BL 33) thể hiện: Vợ chồng bà Th, ông Tcó sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T là có thật, ông T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thảo.

[2.2]. Về con chung: Bà Th và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Tr đang ở ổn định cùng bà Th. Đồng thời, bà Th đã chứng minh về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo việc chăm sóc con như: Có công việc và thu nhập ổn định (BL 41), có thời gian chăm sóc con và có hỗ trợ của người thân. Vì vậy, cần giao con chung cho bà Th trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà Th trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Bà Th trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương Th.

1. Bà Nguyễn Thị Phương Th được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Phương Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Nguyễn Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Anh T.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002057 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã D,
h.P; T. Đồng Nai;
(GCNKH số 69 ngày 26/3/2019)
- VKSND H. P;
- CC.THADS H. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung